

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2019

L M S

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128,421,228,347	81,426,018,940
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,045,343,263	67,280,938,328
1. Tiền	111	5.1	2,045,343,263	67,280,938,328
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81,209,588,584	3,889,206,500
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3,746,292,000	1,925,909,916
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	5.3	79,004,206,500	3,504,206,500
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		(1,540,909,916)	(1,540,909,916)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	42,050,632,886	10,145,183,442
1. Hàng tồn kho	141		42,050,632,886	10,145,183,442
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,115,663,614	110,690,670
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,115,663,614	110,690,670
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5,533,069,785	6,158,417,936
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		106,922,000	106,922,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		106,922,000	106,922,000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5,426,147,785	6,051,495,936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	4,954,219,753	5,522,936,541
- Nguyên giá	222		11,790,541,090	11,790,541,090
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6,836,321,337)	(6,267,604,549)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	471,928,032	528,559,395
- Nguyên giá	225		1,132,627,272	1,132,627,272
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(660,699,240)	(604,067,877)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	-	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-	
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255	-	-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260	-	-	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	-	-	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-	
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-	
5. Lợi thế thương mại	269	-	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	133,954,298,132	87,584,436,876	
NGUỒN VỐN	Mã số	31/03/2019	01/01/2019	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	57,318,253,576	11,687,680,214	
I. Nợ ngắn hạn	310	57,025,013,576	11,366,930,214	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.5	48,953,464,388	3,352,470,000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.6	7,147,483,442	7,147,483,442
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	814,025,746	629,203,772
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	110,040,000	237,773,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330	5.10	293,240,000	320,750,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		293,240,000	320,750,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76,636,044,556	75,896,756,662
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	76,636,044,556	75,896,756,662
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		71,000,000,000	71,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71,000,000,000	71,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-

2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421	5,636,044,556	4,896,756,662
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	4,896,756,662	3,837,655,331
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	739,287,894	1,059,101,331
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	133,954,298,132	87,584,436,876

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Tổng Thị Huệ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tổng Thị Huệ



11/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I/2019

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý I	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	11,455,720,000	6,621,523,200	11,455,720,000	6,621,523,200
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11,455,720,000	6,621,523,200	11,455,720,000	6,621,523,200
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	10,182,220,272	6,104,995,958	10,182,220,272	6,104,995,958
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,273,499,728	516,527,242	1,273,499,728	516,527,242
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	2,686,939	478,533	2,686,939	478,533
7. Chi phí tài chính	22	6.5	14,034,982	94,426,574	14,034,982	94,426,574
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14,034,982	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	27,000,000	-	27,000,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	338,041,817	286,638,374	338,041,817	286,638,374
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		924,109,868	108,940,827	924,109,868	108,940,827
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12. Chi phí khác	32		-	708,498	-	708,498
14. Lợi nhuận khác	40		-	(708,498)	-	(708,498)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		924,109,868	108,232,329	924,109,868	108,232,329
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		184,821,974	21,646,466	184,821,974	21,646,466
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		739,287,894	86,585,863	739,287,894	86,585,863

NGƯỜI LẬP BIỂU



Tông Thị Huệ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tông Thị Huệ

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



Khieu Ngun Khuong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2019

Mẫu số B03- DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		10,780,909,916	3,477,209,000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(215,000,000)	(1,076,307,400)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(47,500,000)	(167,768,315)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(14,034,982)	(94,426,574)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3,500,000,000	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(79,087,413,938)	(81,219,850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(65,083,039,004)	2,057,486,861
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,686,939	478,533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2,686,939	(499,521,467)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(155,243,000)	(346,426,728)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(155,243,000)	(346,426,728)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(65,235,595,065)	1,211,538,666
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		67,280,938,328	5,489,397,499
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	2,045,343,263	6,700,936,165

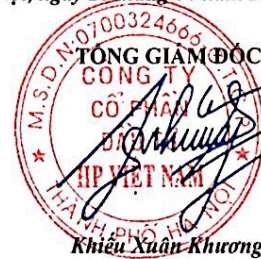
Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Tống Thị Huệ

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Tống Thị Huệ



Khiếu Xuân Khương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu Tư HP Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700324666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2009 và được đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 26 tháng 12 năm 2018. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 26 tháng 12 năm 2018, Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Khiếu Xuân Khương thay cho Bà Huang Yong Mei.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 26/12/2018 là 71.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bảy mươi một tỷ đồng) tương đương với 7.100.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty : Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Thương mại.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

Khai thác quặng sắt
Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Sản xuất xe có động cơ Đóng tàu và cấu kiện nổi Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Xây dựng nhà các loại Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Xây dựng công trình công ích Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Phá dỡ Lắp đặt hệ thống điện Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Hoàn thiện công trình xây dựng
Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
Bán buôn xe có động cơ khác
<ul style="list-style-type: none"> Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới
Bán buôn gạo
Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
Bán buôn kim loại và quặng kim loại
Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
• Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh
Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ
Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
Vận tải hành khách đường thủy nội địa
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
Bốc xếp hàng hóa
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển ;Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyên, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản
Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư
Hoạt động tư vấn quản lý
Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật
Hoạt động thiết kế chuyên dụng
Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
Cung ứng lao động tạm thời
Đại lý du lịch
Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Dịch vụ đóng gói
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
Bán buôn đồ uống
Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
• Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
• Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
Xuất bản phần mềm
• Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết:
- Hoạt động của các điểm truy cập Internet.
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông; Kinh doanh hàng hóa viễn thông.
• (Điều 13- Luật viễn thông năm 2009)
• Lập trình máy vi tính
• Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
• Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
• Chi tiết: Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin (Điều 52 luật công nghệ thông tin năm 2006)
• Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu(trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)
• Chi tiết:Dịch vụ trung gian thanh toán (Điều 15 nghị định 101/2012 NĐ-CP)
Giáo dục mầm non
• Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến

Báo cáo tài chính: Không

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2018

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2018

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2018

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05-50 năm
- Máy móc thiết bị	05-25 năm
- Phương tiện vận tải	01- 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03- 10 năm

b) *Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính*

c) *Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư*

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh được dự kiến tạo ra.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2018

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu, chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:
Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2018

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong năm.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2018

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau: gạch, thép, vận chuyển...

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường cụ thể và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường cụ thể và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hà Nam do đó Công ty không lập báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý.

24. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2018

hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ :Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2019	01/01/2019
Tiền mặt	2,037,823,259	2,273,164,276
Tiền gửi ngân hàng	7,520,004	65,007,774,052
Cộng	2,045,343,263	67,280,938,328

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2019	01/01/2019
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	3,746,292,000	1,925,909,916
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC	3,361,292,000	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	385,000,000	1,925,909,916
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	165,000,000	165,000,000
- Công ty Cổ phần Trường Tiền Holdings	165,000,000	165,000,000

5.3 . PHẢI THU KHÁC

	31/03/2019		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	79,000,000,000	-	3,504,206,500	-
- Phải trả, phải nộp khác	79,000,000,000	-	3,504,206,500	-
b) Dài hạn	106,922,000	-	106,922,000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	106,922,000	-	106,922,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ :Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

5.4 HÀNG TỒN KHO

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm nhập kho	7,147,483,442	-	7,147,483,442	-
Hàng hóa	34,903,149,444	-	2,997,700,000	-
Cộng	42,050,632,886	-	10,145,183,442	-

5.5 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	48,953,464,388	38,393,464,388	3,352,470,000	3,352,470,000
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Minh Trí	16,954,909,508	16,954,909,508	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư XNK Minh Trí	18,141,084,880	18,141,084,880	-	-
- Công ty TNHH Xăng dầu Đại Việt	3,297,470,000	3,297,470,000	3,297,470,000	3,297,470,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Châu Á ABS GROUP	7,700,000,000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Thuận An	2,860,000,000	-	-	-
- Công ty CP quản lý quỹ Bông Sen	-	-	55,000,000	55,000,000
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				

5.6 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7,147,483,442	7,147,483,442	7,147,483,442	7,147,483,442
- Đỗ Văn Luyện	7,147,483,442	7,147,483,442	7,147,483,442	7,147,483,442
- Đối tượng khác	-	-	-	-
b) Người mua trả tiền trước dài hạn				
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				

5.7 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Cuối kỳ
a) Phải nộp	629,203,772	814,025,746
- Thuế GTGT	-	-
- Thuế TNDN	629,203,772	814,025,746
b) Phải thu		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Mẫu số B09a - DN

5.8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	350,640,908	10,359,831,091	1,035,069,091	45,000,000	11,790,541,090
Tăng trong kỳ					
- Mua trong kỳ					
Giảm trong kỳ					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	350,640,908	10,359,831,091	1,035,069,091	45,000,000	11,790,541,090
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	350,640,908	5,602,062,647	269,900,994	45,000,000	6,267,604,549
Tăng trong kỳ		525,588,909	43,127,879		568,716,788
- Số khấu hao trong kỳ		525,588,909	43,127,879		568,716,788
Giảm trong kỳ					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	350,640,908	6,127,651,556	313,028,873	45,000,000	6,836,321,337
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm		4,757,768,444	765,168,097		5,522,936,541
2. Tại ngày cuối kỳ		4,232,179,535	722,040,218		4,954,219,753

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Mẫu số B09a - DN

5.9 . TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá					1,132,627,272
Số dư đầu năm		1,132,627,272			
Tăng trong kỳ					
- Mua trong kỳ					
Giảm trong kỳ					
- Chuyển sang TSCĐHH					
Số dư cuối kỳ		1,132,627,272			1,132,627,272
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		604,067,877			604,067,877
Tăng trong kỳ		56,631,363			56,631,363
- Số khấu hao trong kỳ		56,631,363			56,631,363
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ					
- Chuyển sang TSCĐHH					
Số dư cuối kỳ		660,699,240			660,699,240
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm		528,559,395			528,559,395
2. Tại ngày cuối kỳ		471,928,032			471,928,032

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

5.10 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Mẫu số B09a - DN

Đơn vị tính: VND

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
a) Vay ngắn hạn	110,040,000	110,040,000	-	127,773,000
- Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (1)	110,040,000	110,040,000	-	127,773,000
b) Vay dài hạn	293,240,000	293,240,000	-	27,510,000
- Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (1)	293,240,000	293,240,000	-	27,510,000
Cộng	403,280,000	403,280,000	0	155,243,000
				558,523,000
				237,773,000
				237,773,000
				320,750,000
				320,750,000
				558,523,000

c) Các khoản nợ thuế tài chính

	31/03/2019		01/01/2019	
	Tổng khoản thanh toán thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán thuế tài chính
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội (2)	(*)	(*)	127,733,000	(*)
Từ 1 năm trở xuống	(*)	(*)	127,733,000	(*)
Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	-	0
Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	-	-	-	0
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-
Cộng	(*)	(*)	127,733,000	(*)
				(*)
				127,733,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHON LOC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Mẫu số B09a - DN

5.11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	71,000,000,000	-	-	-	-	3,837,655,331	74,837,655,331
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1,059,101,331	1,059,101,331
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	71,000,000,000	-	-	-	-	4,896,756,662	75,896,756,662
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	739,287,894	739,287,894
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ do hoàn nhập trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	71,000,000,000	-	-	-	-	5,636,044,556	76,636,044,556

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ :Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/03/2019	01/01/2019
Vốn góp của Công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	71,000,000,000	71,000,000,000
Cộng		71,000,000,000	71,000,000,000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu năm		71,000,000,000	71,000,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ		-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ		-	-
- Vốn góp cuối kỳ		71,000,000,000	71,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-
d) Cổ phiếu		31/03/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		7,100,000	7,100,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		7,100,000	7,100,000
- Cổ phiếu phổ thông		7,100,000	7,100,000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại			
- Cổ phiếu phổ thông		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		7,100,000	7,100,000
- Cổ phiếu phổ thông		7,100,000	7,100,000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng	10.000 đồng
e) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.			

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
Doanh thu	11,455,720,000	6,621,523,200
- Doanh thu bán hàng hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11,455,720,000	6,621,523,200
6.2 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
6.3 GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
Giá vốn của hàng đã bán	10,182,220,272	6,104,995,958
- Giá vốn bán hàng hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10,182,220,272	6,104,995,958
Cộng	10,182,220,272	6,104,995,958

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 14 - Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
6.4 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	2,686,939	478,533
Cộng	2,686,939	478,533
6.5 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	14,034,982	94,426,574
Cộng	14,034,982	94,426,574
6.6 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	338,041,817	313,638,374
Chi phí bán hàng		27,000,000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	338,041,817	286,638,374

6.7 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

6.8 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Tổng Thị Huệ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Thị Huệ

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019
TỔNG GIÁM ĐỐC

 Khiếu Xuân Khương